

Số: 4253/QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 04 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ v/v thành lập và qui định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-ĐHNT ngày 12/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 1025/QĐ-ĐHNT ngày 24/10/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo hình thức vừa làm vừa học, liên thông và bằng hai;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên các lớp đào tạo tại Trường Đại học Nha Trang;

Xét đề nghị của Ông Giám đốc Trung tâm đào tạo và Bồi dưỡng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học chính quy cho 240 sinh viên các ngành, vì đã hoàn thành chương trình đào tạo theo Quy chế (có tên trong danh sách kèm theo).

TT	Ngành tốt nghiệp	Số lượng
1	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	06
2	Điện, điện tử	19
3	Kế toán	204
4	Tài chính – Ngân hàng	02
5	Quản trị kinh doanh	08
6	Ngôn ngữ Anh	01
Tổng cộng		240

Điều 2. Trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Cơ sở liên kết;
- Lưu VT, TTĐT & BD.



HIỆU TRƯỞNG

Trang Pi Trung

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

(Theo Quyết định số: 1153/QĐ-ĐHNT ngày 04 tháng 12 năm 2017)

1. Ngành: Công nghệ kỹ thuật nhiệt

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	15DN0327	Trần Ngọc	Cường	20/02/1992	Khánh Hòa	Khá	NT15CNL1
2	15DN0336	Võ Ngọc	Thanh	13/03/1990	Khánh Hòa	TB Khá	NT15CNL1
3	15DN0318	Huỳnh Chí	Trí	20/06/1990	Quảng Nam	TB Khá	NT15CNL1
4	15DN0316	Lê Tuấn	Vinh	12/06/1991	Khánh Hòa	TB Khá	NT15CNL1
5	11HN228	Dương Công	Định	05/01/1990	Hà Nội	TB Khá	HN11NLC2
6	11HN313	Trần Thanh	Tuấn	07/12/1988	Hà Nội	TB Khá	HN11NLC2

Danh sách gồm có 06 sinh viên

2. Ngành: Điện, điện tử

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	LD15DT0100	Dương Kim	Cánh	12/10/1986	Hà Tĩnh	Khá	LD15DTC
2	LD15DT0101	Lê Đức	Chung	15/12/1984	Hà Tĩnh	Khá	LD15DTC
3	LD15DT0102	Nguyễn Hoàng	Chương	24/06/1981	Lâm Đồng	TB Khá	LD15DTC
4	LD15DT0103	Trần Xuân	Cương	02/12/1988	Nghệ An	TB Khá	LD15DTC
5	LD15DT0104	Lê Mạnh	Cường	21/06/1984	Lâm Đồng	Khá	LD15DTC
6	LD15DT0128	Đinh Minh	Hiếu	16/01/1985	Hung Yên	Khá	LD15DTC
7	LD15DT0106	Nguyễn Đình	Hiệu	11/07/1992	Thanh Hóa	TB Khá	LD15DTC
8	LD15DT0107	Lê Văn	Hoàn	09/07/1982	Thanh Hóa	Khá	LD15DTC
9	LD15DT0108	Mai Thanh	Hùng	13/10/1988	Quảng Bình	Khá	LD15DTC
10	LD15DT0109	Vũ Nguyên	Khôi	16/04/1981	Lâm Đồng	Khá	LD15DTC
11	LD15DT0113	Trần Thị Hằng	Nhung	16/05/1993	Lâm Đồng	Khá	LD15DTC
12	LD15DT0114	Nguyễn Đăng	Phúc	11/02/1986	Lâm Đồng	Khá	LD15DTC
13	LD15DT0116	Đinh Trọng	Quỳnh	25/08/1976	Ninh Bình	Khá	LD15DTC
14	LD15DT0119	Trần Nguyên	Thoại	14/10/1989	Lâm Đồng	TB Khá	LD15DTC
15	LD15DT0121	Lê Văn	Tĩnh	11/10/1976	Hà Nội	Khá	LD15DTC
16	LD15DT0127	Thái Vinh	Toàn	28/02/1981	Bình Định	TB Khá	LD15DTC
17	LD15DT0122	Nguyễn Đình Quốc	Trường	29/04/1987	Lâm Đồng	TB Khá	LD15DTC
18	LD15DT0124	Phạm Ngọc	Tuấn	22/06/1981	Lâm Đồng	Khá	LD15DTC
19	LD15DT0125	Vũ Văn	Tạ	15/01/1975	Hải Dương	TB Khá	LD15DTC

Danh sách gồm có 19 sinh viên

3. Ngành: Kế toán

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	14DN0139	Bùi Thị	Cho	28/08/1982	Khánh Hòa	TB Khá	CR14TDN1
2	14DN0140	Bùi Văn	Chuyên	22/07/1972	Hải Phòng	TB Khá	CR14TDN1
3	14DN0741	Phạm Thị Kim	Dung	18/04/1979	Khánh Hòa	TB Khá	CR14TDN1
4	14DN0739	Hồ Thị Anh	Đào	12/04/1985	Ninh Thuận	TB Khá	CR14TDN1
5	14DN0740	Nguyễn Thị	Đông	30/03/1986	Ninh Bình	TB Khá	CR14TDN1
6	14DN0742	Hoàng Văn	Hải	10/04/1984	Hà Tĩnh	TB Khá	CR14TDN1
7	14DN0766	Nguyễn Thị	Hoài	02/02/1989	Hà Tĩnh	TB Khá	CR14TDN1
8	14DN0145	Lê Thị Kim	Hoàng	25/03/1981	Phú Yên	TB Khá	CR14TDN1
9	14DN0744	Phan Thị	Hòa	02/03/1989	Hà Tĩnh	TB Khá	CR14TDN1
10	14DN0767	Nguyễn Thị	Hòa	10/01/1989	Hà Tĩnh	TB Khá	CR14TDN1
11	14DN0745	Lê Thị	Huệ	20/11/1985	Thanh Hóa	TB Khá	CR14TDN1

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
12	14DN0146	Lê Thị Kim	Huệ	13/11/1983	Khánh Hòa	TB Khá	CR14TDN1
13	14DN0170	Hồ Lê Thị Thanh	Huyền	10/09/1982	Khánh Hòa	TB Khá	CR14TDN1
14	14DN0747	Lê Thị	Lan	04/06/1984	Thanh Hóa	TB Khá	CR14TDN1
15	14DN0151	Đoàn Thị Phương	Mai	27/08/1989	Khánh Hòa	TB Khá	CR14TDN1
16	14DN0152	Nguyễn Thị	My	27/07/1986	Khánh Hòa	TB Khá	CR14TDN1
17	14DN0768	Nguyễn Thị Tuyết	Nghiêm	03/11/1979	Ninh Thuận	TB Khá	CR14TDN1
18	14DN0749	Nguyễn Thị	Nhứt	14/07/1980	Khánh Hòa	TB Khá	CR14TDN1
19	14DN0153	Mai Thị Kim	Oanh	16/11/1990	Khánh Hòa	TB Khá	CR14TDN1
20	14DN0155	Hồ Thị Hồng	Phượng	02/01/1985	Hà Tĩnh	TB Khá	CR14TDN1
21	14DN0174	Phạm Thị Thủy	Sang	23/10/1985	Khánh Hòa	TB Khá	CR14TDN1
22	14DN0752	Phạm Hồng	Son	20/08/1981	Nghệ An	Trung bình	CR14TDN1
23	14DN0753	Nguyễn Thị	Sương	15/03/1993	Khánh Hòa	TB Khá	CR14TDN1
24	14DN0754	Nguyễn Thị Thảo	Sương	20/12/1987	Khánh Hòa	TB Khá	CR14TDN1
25	14DN0755	Huỳnh Thị Thi	Thơ	14/04/1988	Ninh Thuận	TB Khá	CR14TDN1
26	14DN0756	Huỳnh Thị Bích	Thùy	27/02/1990	Ninh Thuận	TB Khá	CR14TDN1
27	14DN0157	Nguyễn Thị	Thủy	20/09/1986	Nghệ An	TB Khá	CR14TDN1
28	14DN0757	Nguyễn Thị Thu	Thùy	25/04/1982	Ninh Thuận	TB Khá	CR14TDN1
29	14DN0772	Trần Thị	Thủy	20/12/1986	Hà Tĩnh	Trung bình	CR14TDN1
30	14DN0167	Nguyễn Thị Thùy	Thương	24/11/1992	Khánh Hòa	TB Khá	CR14TDN1
31	14DN0159	Nguyễn Ngô Thùy	Trang	12/10/1988	Khánh Hòa	TB Khá	CR14TDN1
32	14DN0773	Nguyễn Thị Thùy	Trang	29/03/1982	Ninh Thuận	TB Khá	CR14TDN1
33	14DN0171	Lê Phạm Thùy	Trâm	26/12/1990	Khánh Hòa	TB Khá	CR14TDN1
34	14DN0161	Ngô Thị Thanh	Trúc	20/07/1992	Khánh Hòa	TB Khá	CR14TDN1
35	14DN0164	Trương Thị Ánh	Tuyết	10/03/1982	Khánh Hòa	TB Khá	CR14TDN1
36	14DN0169	Cao Thị	Tươi	13/06/1981	Hưng Yên	TB Khá	CR14TDN1
37	14DN0168	Nguyễn Thị Lệ	Uyên	20/09/1992	Khánh Hòa	TB Khá	CR14TDN1
38	14DN0775	Lê Hồng	Viên	14/05/1973	Nghệ An	TB Khá	CR14TDN1
39	14DN0762	Nguyễn Thị Trang	Vương	10/02/1985	Ninh Thuận	TB Khá	CR14TDN1
40	14DN0763	Lê Thị	Xuân	16/09/1992	Thanh Hóa	TB Khá	CR14TDN1
41	P111DN307	Phạm Thị Như	Hậu	05/10/1988	Phú Yên	Trung bình	PY11DNCQ3
42	P111DN373	Phạm Thị Bích	Vân	15/12/1990	Phú Yên	Trung bình	PY11DNCQ3
43	11NT0027	Lê Thị Kim	Lành	22/08/1989	Khánh Hòa	TB Khá	NT11CDN1
44	11NT0149	Lê Thị	Bình	12/08/1988	Thanh Hóa	Trung bình	NT11TDN1
45	11DN1585	Nguyễn Văn	Cường	16/08/1986	Thanh Hóa	Trung bình	NT11TDN3
46	11DN1654	Nguyễn Thị Hồng	Tâm	20/08/1990	Khánh Hòa	Trung bình	NT11TDN4
47	12DN0122	Lê Diễm	Anh	12/08/1991	Phú Yên	TB Khá	NT12TDN2
48	12DN0149	Đào Thu	Hoài	02/05/1991	Lai Châu	Khá	NT12TDN2
49	12DN0134	Phạm Thị Xuân	Đài	29/05/1990	Khánh Hòa	Trung bình	NT12TDN1
50	12DN0805	Bùi Thị Thùy	Phượng	29/09/1990	Khánh Hòa	Trung bình	NT12TDN4
51	13DN0658	Lê Thị Mỹ	Lợi	21/06/1986	Khánh Hòa	TB Khá	NT13DN1
52	13DN0701	Đinh Thị	Hiền	07/10/1988	Quảng Bình	Trung bình	NT13DN3
53	13DN0755	Nguyễn Thị	Yến	17/07/1982	Thái Bình	TB Khá	NT13DN3
54	20140031	Nguyễn Quỳnh	Như	17/01/1991	Phú Yên	Trung bình	NT14B2DN1
55	14DN1095	Nguyễn Thị Thu	Thùy	18/10/1991	Nghệ An	TB Khá	NT14CDN1
56	14DN0241	Phạm Vũ	Bảo	02/07/1984	Khánh Hòa	Trung bình	NT14TDN1
57	14DN0244	Nguyễn	Diệu	11/06/1992	Khánh Hòa	TB Khá	NT14TDN1
58	14DN0249	Đặng Thị Tường	Giao	13/06/1991	Khánh Hòa	Trung bình	NT14TDN1
59	14DN0255	Nguyễn Thị	Hòa	06/07/1990	Hà Nội	TB Khá	NT14TDN1
60	14DN0305	Nguyễn Thị	Hường	10/09/1989	Bắc Giang	Trung bình	NT14TDN1

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
61	14DN0261	Nguyễn Thị	Liên	28/08/1993	Hà Tĩnh	Trung bình	NT14TDN1
62	14DN0262	Lê Thị Kim	Liên	08/01/1987	Thanh Hóa	Trung bình	NT14TDN1
63	14DN0263	Đặng Thị	Minh	01/01/1990	Nghệ An	TB Khá	NT14TDN1
64	14DN0266	Nguyễn Thị Ngọc Kim	Ngân	08/10/1990	Khánh Hòa	TB Khá	NT14TDN1
65	14DN0269	Võ Hoàng	Nguyên	01/07/1992	Khánh Hòa	TB Khá	NT14TDN1
66	14DN0278	Trần Minh	Tâm	06/11/1992	Khánh Hòa	Trung bình	NT14TDN1
67	14DN0277	Lê Thị	Tám	01/07/1974	Bắc Ninh	TB Khá	NT14TDN1
68	14DN0301	Trần Bảo	Trần	22/09/1994	Khánh Hòa	Trung bình	NT14TDN1
69	14DN0288	Diệp Thị Huyền	Trang	22/08/1987	Phú Yên	Trung bình	NT14TDN1
70	14DN0290	Lê Thị Thùy	Trang	22/02/1986	Đắk Lắk	TB Khá	NT14TDN1
71	14DN0291	Lê Thị Xuân	Trang	24/07/1992	Khánh Hòa	TB Khá	NT14TDN1
72	14DN0292	Nguyễn Thị Thu	Trang	25/02/1985	Hải Dương	TB Khá	NT14TDN1
73	14DN0293	Trương Thùy	Trang	30/05/1991	Thanh Hóa	TB Khá	NT14TDN1
74	14DN0299	Nghiêm Xuân Hải	Yến	17/03/1982	Khánh Hòa	TB Khá	NT14TDN1
75	20150013	Nguyễn Thị Phúc	Hạnh	19/01/1992	Khánh Hòa	TB Khá	NT15B2DN1
76	20150210	Trần Thu	Hiền	06/09/1974	Hà Nội	TB Khá	NT15B2DN1
77	20150010	Nguyễn Thị	Ly	01/11/1989	Nghệ An	TB Khá	NT15B2DN1
78	20150209	Trần Thị Hà	Phương	20/04/1987	Nam Định	TB Khá	NT15B2DN1
79	20150204	Phùng Thị	Sang	25/04/1991	Nghệ An	TB Khá	NT15B2DN1
80	20150015	Thái Thị	Thảo	24/03/1991	Khánh Hòa	TB Khá	NT15B2DN1
81	20150175	Nguyễn Văn	Toàn	07/09/1992	Khánh Hòa	TB Khá	NT15B2DN1
82	20150041	Nguyễn Văn	Tường	10/07/1979	Nghệ An	TB Khá	NT15B2DN1
83	20150035	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	20/01/1975	Khánh Hòa	Khá	NT15B2DN1
84	20150020	Trần Lê Thành	Vương	03/02/1984	Khánh Hòa	TB Khá	NT15B2DN1
85	15DN0235	Đỗ Thái Hoàng	Anh	03/11/1992	Khánh Hòa	Trung bình	NT15CDN1
86	15DN0234	Nguyễn Thị Hạ	Châu	28/03/1992	Gia Lai	TB Khá	NT15CDN1
87	15DN0260	Phạm Trần Thị Bích	Diễm	22/03/1992	Khánh Hòa	TB Khá	NT15CDN1
88	15DN0240	Nguyễn Lê Phương	Dung	10/06/1992	Khánh Hòa	TB Khá	NT15CDN1
89	15DN0281	Nguyễn Nhật	Duy	18/04/1993	Khánh Hòa	Trung bình	NT15CDN1
90	15DN0274	Nguyễn Thị Lệ	Hằng	11/12/1993	Khánh Hòa	TB Khá	NT15CDN1
91	15DN0300	Trịnh Ngọc Minh	Hòa	28/10/1994	Khánh Hòa	TB Khá	NT15CDN1
92	15DN0273	Võ Thị Thu	Hương	04/08/1993	Khánh Hòa	Trung bình	NT15CDN1
93	15DN0230	Mai Ngọc	Huyền	28/08/1993	Khánh Hòa	TB Khá	NT15CDN1
94	15DN0277	Phan Thị Châu	Liên	03/12/1992	Quảng Bình	TB Khá	NT15CDN1
95	15DN0293	Lê Thị Hồng	Liên	04/10/1992	Quảng Trị	TB Khá	NT15CDN1
96	15DN0284	Phạm Thị Hoài	Linh	08/08/1993	Đắk Lắk	Trung bình	NT15CDN1
97	15DN0244	Nguyễn Thị	Luyến	11/04/1992	Hà Nội	TB Khá	NT15CDN1
98	15DN0248	Trần Hoài	Nam	23/02/1990	Khánh Hòa	Trung bình	NT15CDN1
99	15DN0241	Lê Khoa	Nguyên	13/07/1992	Khánh Hòa	Trung bình	NT15CDN1
100	15DN0239	Phạm Thị Kiều	Đoan	13/01/1992	Khánh Hòa	Khá	NT15CDN1
101	15DN0283	Võ Thị Thu	Sương	10/01/1993	Phú Yên	TB Khá	NT15CDN1
102	15DN0231	Lưu Khánh	Trang	24/07/1993	Khánh Hòa	TB Khá	NT15CDN1
103	15DN0233	Nguyễn Vương Bình	Triệu	12/07/1992	Khánh Hòa	TB Khá	NT15CDN1
104	15DN0251	Trần Thị Thanh	Trúc	01/04/1992	Khánh Hòa	TB Khá	NT15CDN1
105	15DN0250	Nguyễn Văn	Tuấn	25/02/1993	Khánh Hòa	TB Khá	NT15CDN1
106	15DN0292	Nguyễn Thị Tường	Vy	02/02/1991	Khánh Hòa	TB Khá	NT15CDN1
107	15DN0075	Trần Văn	Công	21/12/1990	Nghệ An	Trung bình	NA15CDN
108	15DN0085	Lê Thị	Hiền	10/10/1990	Thanh Hóa	TB Khá	NA15CDN
109	15DN0088	Hoàng Thị Hồng	Huế	20/11/1988	Nghệ An	TB Khá	NA15CDN

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
110	15DN0110	Nguyễn Thị	Lành	01/12/1991	Nghệ An	TB Khá	NA15CDN
111	15DN0109	Trần Thị	Ngọc	05/04/1991	Hà Tĩnh	TB Khá	NA15CDN
112	QN15DN0144	Nguyễn Thị	Ái	20/06/1991	Quảng Ngãi	TB Khá	QN15DNC
113	QN15DN0151	Tạ Thị Thủy	Dương	24/11/1990	Quảng Ngãi	Khá	QN15DNC
114	QN15DN0100	Lê Thanh	Giang	16/01/1988	Quảng Ngãi	TB Khá	QN15DNC
115	QN15DN0122	Hường Thị Vĩnh	Hiền	12/03/1981	Quảng Ngãi	Khá	QN15DNC
116	QN15DN0101	Phan Thái	Hiệp	23/03/1991	Quảng Ngãi	Khá	QN15DNC
117	QN15DN0102	Lê Thị Thanh	Hoa	19/09/1989	Bình Định	Khá	QN15DNC
118	QN15DN0149	Huỳnh Minh	Hoàng	09/10/1991	Yên Bái	Khá	QN15DNC
119	QN15DN0103	Trần Việt	Hòa	29/06/1990	Quảng Ngãi	Khá	QN15DNC
120	QN15DN0155	Nguyễn Đức	Huy	25/04/1987	Quảng Ngãi	TB Khá	QN15DNC
121	QN15DN0104	Võ Thị	Hương	15/10/1987	Quảng Ngãi	Khá	QN15DNC
122	QN15DN0105	Vy Thị Thu	Kiều	05/06/1984	Quảng Ngãi	Khá	QN15DNC
123	QN15DN0106	Trần Thị Tổ	Loan	10/11/1986	Quảng Ngãi	Khá	QN15DNC
124	QN15DN0107	Nguyễn Thị Kiều	My	20/05/1989	Quảng Ngãi	TB Khá	QN15DNC
125	QN15DN0108	Phan Thị Trà	My	04/04/1993	Quảng Ngãi	Khá	QN15DNC
126	QN15DN0150	Bùi Ngọc	Nam	23/11/1991	Bắc Ninh	TB Khá	QN15DNC
127	QN15DN0109	Lâm Thị Mỹ	Ngân	07/04/1986	Đắk Lắk	Khá	QN15DNC
128	QN15DN0152	Lê Thị Bích	Nguyễn	22/08/1988	Quảng Ngãi	Khá	QN15DNC
129	QN15DN0111	Đào Thị Tuyết	Phượng	18/09/1989	Quảng Ngãi	TB Khá	QN15DNC
130	QN15DN0110	Trần Huỳnh	Phương	14/09/1985	Quảng Ngãi	Giỏi	QN15DNC
131	QN15DN0112	Nguyễn Thị Phương	Sa	10/08/1984	Quảng Ngãi	Khá	QN15DNC
132	QN15DN0153	Đỗ Thị Thu	Thảo	09/09/1989	Quảng Ngãi	Khá	QN15DNC
133	QN15DN0113	Bùi Vũ	Thư	06/05/1990	Quảng Ngãi	Khá	QN15DNC
134	QN15DN0114	Huỳnh Thị Thu	Thương	22/12/1986	Quảng Ngãi	Khá	QN15DNC
135	QN15DN0145	Lê Thị Thanh	Trúc	05/06/1985	Quảng Ngãi	Khá	QN15DNC
136	QN15DN0120	Lê Thị Kim	Tuyền	01/01/1993	Quảng Ngãi	Khá	QN15DNC
137	QN15DN0143	Nguyễn Văn	Tường	31/12/1991	Quảng Ngãi	Khá	QN15DNC
138	QN15DN0116	Phạm Thị Ánh	Vy	10/01/1990	Quảng Ngãi	Khá	QN15DNC
139	QN15DN0121	Nguyễn Thị Hải	Yến	04/10/1991	Quảng Ngãi	Khá	QN15DNC
140	QN15DN0132	Trương Thị	Yến	20/04/1988	Quảng Ngãi	Khá	QN15DNC
141	14DN0531	Nguyễn Thị Hồng	Ân	04/10/1982	Lâm Đồng	TB Khá	LD14TDN
142	14DN0474	Lê Nguyễn Quỳnh	Anh	06/04/1991	Lâm Đồng	Trung bình	LD14TDN
143	14DN0476	Nguyễn Thị Tuyết	Anh	06/01/1982	Lâm Đồng	TB Khá	LD14TDN
144	14DN0482	Nguyễn Thị	Dung	06/01/1982	Thanh Hóa	Khá	LD14TDN
145	14DN0484	Vũ Thị Tuyết	Hạnh	30/03/1983	Lâm Đồng	TB Khá	LD14TDN
146	14DN0488	Nguyễn Thị Kim	Hiền	20/07/1981	Lâm Đồng	TB Khá	LD14TDN
147	14DN0491	Trần Thị Thu	Hương	02/02/1994	Hà Tĩnh	TB Khá	LD14TDN
148	14DN0492	Trần Thị	Hương	13/04/1980	Nghệ An	TB Khá	LD14TDN
149	14DN0495	Trần Thị	La	10/04/1992	Ninh Thuận	TB Khá	LD14TDN
150	14DN0497	Đào Thị Mỹ	Lệ	02/06/1994	Hà Tĩnh	TB Khá	LD14TDN
151	14DN0498	Nguyễn Thị Bích	Lệ	28/09/1994	Lâm Đồng	Trung bình	LD14TDN
152	14DN0501	Vương Thị	Luyến	07/11/1982	Lâm Đồng	Khá	LD14TDN
153	14DN0506	Đinh Thị	Nhân	02/04/1992	Quảng Ngãi	TB Khá	LD14TDN
154	14DN0511	Dương Thị Thu	Tâm	12/08/1982	Lâm Đồng	TB Khá	LD14TDN
155	14DN0513	Lê Thị	Thanh	06/03/1988	Quảng Bình	Khá	LD14TDN
156	14DN0529	Phan Bùi Phương	Thảo	20/07/1991	Lâm Đồng	TB Khá	LD14TDN
157	14DN0514	Nguyễn Thị Thu	Thảo	11/02/1994	Quảng Trị	TB Khá	LD14TDN
158	14DN0516	Hoàng Thị	Thúy	03/09/1992	Hà Tĩnh	TB Khá	LD14TDN

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
159	14DN0533	Nguyễn Thị Quế	Trâm	22/03/1986	Lâm Đồng	TB Khá	LD14TDN
160	14DN0519	Lê Thùy	Trâm	30/08/1995	Lâm Đồng	TB Khá	LD14TDN
161	14DN0522	Lê Đức	Trí	10/05/1968	Khánh Hòa	TB Khá	LD14TDN
162	14DN0523	Thạch Thị Tú	Trình	26/01/1994	Quảng Ngãi	TB Khá	LD14TDN
163	14DN0524	Nguyễn Thị Uyên	Trình	28/04/1983	Lâm Đồng	TB Khá	LD14TDN
164	14DN0527	Nguyễn Thị Hải	Yến	05/01/1983	Hà Tĩnh	TB Khá	LD14TDN
165	LD15DN0101	Cao Thị Kim	Anh	22/04/1993	Nghệ An	TB Khá	LD15DNC
166	LD15DN0100	Nguyễn Thị Phước	An	04/06/1992	Lâm Đồng	TB Khá	LD15DNC
167	LD15DN0102	Nguyễn Văn	Bình	01/07/1983	Hưng Yên	Khá	LD15DNC
168	LD15DN0103	Lương Thị Minh	Châu	10/12/1990	Lâm Đồng	Khá	LD15DNC
169	LD15DN0104	Nguyễn Công	Chính	02/09/1994	TT- Huế	TB Khá	LD15DNC
170	LD15DN0105	Đinh Thị Mỹ	Duyên	10/04/1992	Quảng Bình	TB Khá	LD15DNC
171	LD15DN0106	Trần Bình	Dương	29/05/1993	Lâm Đồng	TB Khá	LD15DNC
172	LD15DN0150	Trần Quốc	Đạt	01/03/1991	Lâm Đồng	Khá	LD15DNC
173	LD15DN0107	Nguyễn Thị Lê Diệu	Hà	08/11/1991	Lâm Đồng	TB Khá	LD15DNC
174	LD15DN0109	Trần Thị	Hạnh	26/03/1991	Thanh Hóa	TB Khá	LD15DNC
175	LD15DN0112	Đỗ Thị Thu	Hiền	01/06/1983	Thái Nguyên	Khá	LD15DNC
176	LD15DN0113	Phan Thị	Hiền	07/11/1990	Nghệ An	TB Khá	LD15DNC
177	LD15DN0114	Bùi Thị	Hoa	03/02/1988	Nghệ An	TB Khá	LD15DNC
178	LD15DN0115	Hoàng Thị Thúy	Hồng	08/03/1994	Lâm Đồng	TB Khá	LD15DNC
179	LD15DN0116	Trịnh Thị	Hồng	27/12/1992	Thanh Hóa	TB Khá	LD15DNC
180	LD15DN0117	Hà Thị	Hương	20/04/1993	Thanh Hóa	TB Khá	LD15DNC
181	LD15DN0118	Lê Thị	Kim	01/01/1989	TT- Huế	TB Khá	LD15DNC
182	LD15DN0119	Trần Thị Kim	Liên	15/10/1985	Lâm Đồng	Khá	LD15DNC
183	LD15DN0122	Nguyễn Hoàng	Nam	25/09/1993	Mình Hải	Khá	LD15DNC
184	LD15DN0125	Nguyễn Thụy Như	Ngọc	22/04/1991	Lâm Đồng	Khá	LD15DNC
185	LD15DN0126	Nguyễn Thị	Nhàn	26/12/1988	Lâm Đồng	TB Khá	LD15DNC
186	LD15DN0127	Lê Thị Hồng	Nhi	01/04/1993	Ninh Thuận	TB Khá	LD15DNC
187	LD15DN0128	Giáp Thị Tú	Oanh	21/04/1981	Lâm Đồng	Khá	LD15DNC
188	LD15DN0130	Ngô Thị Trúc	Quỳnh	11/06/1992	Hà Tĩnh	TB Khá	LD15DNC
189	LD15DN0131	Trần Như	Quỳnh	18/01/1990	Lâm Đồng	TB Khá	LD15DNC
190	LD15DN0132	Đoàn Kim	Tạo	18/09/1992	Lâm Đồng	TB Khá	LD15DNC
191	LD15DN0133	Dương Hạnh	Tâm	29/11/1991	Lâm Đồng	TB Khá	LD15DNC
192	LD15DN0134	Lê Hải Song	Thanh	08/02/1986	Lâm Đồng	TB Khá	LD15DNC
193	LD15DN0136	Nguyễn Thị Thu	Thảo	22/08/1993	Quảng Ngãi	TB Khá	LD15DNC
194	LD15DN0108	Nguyễn Thị Hồng	Thạnh	20/11/1991	TT- Huế	TB Khá	LD15DNC
195	LD15DN0138	Hồ Diễm	Thúy	23/08/1992	Gia Lai	TB Khá	LD15DNC
196	LD15DN0143	Nguyễn Thị Bích	Trâm	22/07/1990	Lâm Đồng	TB Khá	LD15DNC
197	LD15DN0148	Nguyễn Thị Lan	Vương	26/09/1995	Quảng Bình	TB Khá	LD15DNC
198	11LD058	Đặng Thị Phương	Thúy	12/02/1984	Thanh Hóa	Trung bình	LD10DN1
199	KG11DN202	Nguyễn Trường	An	15/11/1989	Kiên Giang	TB Khá	KG11CDN2
200	KG11DN258	Dương Thanh	Thùy	20/03/1990	Kiên Giang	TB Khá	KG11CDN2
201	11KG004	Lê Thị Út	Cầm	1984	Kiên Giang	Trung bình	KG11DNC1
202	11KG028	Võ Bé	Ngoãn	02/09/1987	Cà Mau	TB Khá	KG11DNC1
203	11KG034	Trần Nhật	Tân	24/10/1989	Kiên Giang	Trung bình	KG11DNC1
204	11KG045	Trương Thành	Trung	21/03/1989	Kiên Giang	TB Khá	KG11DNC1

Danh sách gồm có 204 sinh viên

4. Ngành: Tài chính - Ngân hàng

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	HC2014010	Nguyễn Đức	Hiếu	01/02/1989	Kiên Giang	TB Khá	DTC2014
2	HC2014017	Nguyễn Thị Ngọc	Phuong	24/04/1989	Kiên Giang	TB Khá	DTC2014

Danh sách gồm có 02 sinh viên

5. Ngành: Quản trị kinh doanh

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	20150190	Phạm Văn	Lộc	13/12/1993	Phú yên	TB Khá	NT15B2QT1
2	20150148	Trần Minh	Lý	10/10/1986	Đăk Lăk	Trung bình	NT15B2QT1
3	20150168	Trương Duy	Nghĩa	11/11/1985	Khánh Hòa	TB Khá	NT15B2QT1
4	20150146	Nguyễn Văn Nhân	Đức	10/12/1987	Khánh Hòa	TB Khá	NT15B2QT1
5	20150121	Lê Nhật	Tân	01/04/1990	Khánh Hòa	TB Khá	NT15B2QT1
6	20150145	Trương	Tân	17/12/1989	Khánh Hòa	TB Khá	NT15B2QT1
7	20150191	Phan Văn	Thành	10/07/1989	Hà Tĩnh	Trung bình	NT15B2QT1
8	20150140	Nguyễn Hạnh Minh	Uyên	31/10/1988	Phú Yên	Khá	NT15B2QT1

Danh sách gồm có 08 sinh viên

6. Ngành: Ngôn ngữ Anh

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	20150069	Hoàng Thị	Huyền	25/10/1992	Thanh Hóa	TB Khá	NT15B2TA1

Danh sách gồm có 01 sinh viên